

## CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KHẢ NĂNG TIẾP CẬN DỰ ÁN PHI CHÍNH PHỦ CỦA HỘ NGHÈO Ở TỈNH SÓC TRĂNG

Nguyễn Quốc Nghi<sup>1</sup>

### TÓM TẮT

*Mục tiêu của nghiên cứu này nhằm xác định các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận các dự án phi chính phủ (DAPCP) của hộ nghèo ở tỉnh Sóc Trăng. Số liệu của nghiên cứu được thu thập từ 180 hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng. Ứng dụng mô hình hồi quy logit, kết quả nghiên cứu đã chỉ ra các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận DAPCP của hộ nghèo là: giới tính, dân tộc, kinh nghiệm, hội đoàn thể và hoạt động tạo thu nhập. Trong đó, nhân tố tham gia đoàn thể có tác động mạnh nhất đến khả năng tiếp cận DAPCP của hộ nghèo ở tỉnh Sóc Trăng.*

**Từ khóa:** Khả năng, dự án, hộ nghèo, Sóc Trăng

### 1. Đặt vấn đề

Sóc Trăng là một trong những địa phương có tỷ lệ hộ nghèo cao ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. So với các tỉnh khác trong khu vực, Sóc Trăng là nơi tập trung nhiều cộng đồng dân tộc thiểu số, đặc biệt là cộng đồng người Khmer. Từ năm 2011- 2015, tỉnh Sóc Trăng đã có 48.900 hộ thoát nghèo, hằng năm giảm từ 2% - 3% hộ nghèo, trong đó hộ nghèo Khmer giảm từ 3% - 4%/năm, góp phần giảm hộ nghèo toàn tỉnh đến năm 2015 còn 30.200 hộ, chiếm 9,24% tổng số hộ [1]. Để đạt được kết quả đó, nhiều năm qua, các cấp ủy đảng, chính quyền từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở đã tích cực chỉ đạo và triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước nhằm hỗ trợ phát triển kinh tế, xã hội cho người nghèo của địa phương. Nhiều chương trình hỗ trợ về giáo dục, sức khỏe, tín dụng, nhà ở, đường điện... đã được thực hiện. Nhờ đó, cuộc sống của

người nghèo ở các địa phương đã có dấu hiệu khởi sắc. Bên cạnh các chương trình hỗ trợ chính thức, tác động và vai trò của các tổ chức phi chính phủ cũng góp phần không nhỏ trong quá trình cải thiện cuộc sống của người nghèo tỉnh Sóc Trăng.

Để các hoạt động và sự hỗ trợ từ các DAPCP có thể đến với hộ nghèo nhanh chóng và dễ dàng, ngoài vai trò của các hội đoàn thể tại địa phương thì khả năng tiếp cận dự án của chính bản thân hộ nghèo là một trong những nhân tố quan trọng thúc đẩy sự thành công của các dự án hỗ trợ, giúp dự án được phổ biến và triển khai rộng rãi. Tuy nhiên không phải tất cả hộ nghèo đều có thể tiếp cận dễ dàng với các dự án hỗ trợ từ các tổ chức phi chính phủ. Nguyên nhân của vấn đề xuất phát từ những yếu tố khách quan và chủ quan. Chính vì thế nghiên cứu “Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận sự án phi chính phủ của hộ nghèo ở tỉnh Sóc

<sup>1</sup>Trường Đại học Cần Thơ  
Email: quocnghi@ctu.edu.vn

Trăng” nhằm cung cấp nguồn thông tin hữu ích cho các cơ quan ban ngành hữu quan, các tổ chức phi chính phủ để xây dựng các giải pháp nâng cao khả năng tiếp cận dự án tốt hơn cho các hộ nghèo.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

### 2.1. Phương pháp thu thập số liệu

Số liệu phục vụ nghiên cứu được thu thập từ 180 hộ nghèo trên địa bàn huyện Mỹ Xuyên và huyện Long Phú của tỉnh Sóc Trăng, bao gồm 107 hộ

nghèo được nhận sự hỗ trợ từ các DAPCP và 73 hộ nghèo chưa từng nhận được sự hỗ trợ nào từ các DAPCP. Nhằm đảm bảo tính đại diện của dữ liệu nghiên cứu, tác giả tiến hành thu thập thông tin bằng phương pháp chọn mẫu phân tầng ngẫu nhiên thông qua hình thức phỏng vấn trực tiếp với phiếu khảo sát được soạn sẵn. Cơ cấu mẫu được trình bày trong bảng 1.

**Bảng 1:** Cơ cấu mẫu điều tra theo địa bàn

Địa bàn	Cơ mẫu			Tỷ lệ (%)
	Được hỗ trợ	Không được hỗ trợ	Tổng cộng	
Huyện Mỹ Xuyên	77	38	115	63,9
Huyện Long Phú	30	35	65	36,1
<b>Tổng cộng</b>	<b>107</b>	<b>73</b>	<b>180</b>	<b>100,0</b>

(Nguồn: Số liệu điều tra của tác giả, năm 2013)

### 2.2. Phương pháp phân tích

Phương pháp hồi quy logit được sử dụng để xác định các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận các DAPCP của hộ nghèo. Bên cạnh đó phương pháp thống kê mô tả cũng được sử dụng nhằm phân tích đặc điểm của đối tượng nghiên cứu.

Thông qua lược khảo các tài liệu nghiên cứu của các tác giả Robert Lensink, Nguyễn Văn Ngân và Lê Khương Ninh (2008) [2], Nguyễn Quốc Nghi (2011) [3], Bùi Văn Trịnh và Nguyễn Thị Thùy Phương (2014) [4], Phan Thị Nữ (2012) [5], mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận các DAPCP của hộ nghèo được thiết lập như sau:

$$TCDAPCP = B_0 + B_1GIOITINH + B_2DANTOC + B_3TRINHDO + B_4PHUTHUOC + B_5KINHNGHIEM + B_6DOANTHE + B_7HOATDONG$$

Trong đó: TCDAPCP là biến phụ thuộc (nhận giá trị 1 nếu hộ nghèo nhận được sự hỗ trợ từ các DAPCP và nhận giá trị 0 nếu ngược lại). Các biến độc lập được giải thích ở bảng 2.

**Bảng 2:** Diễn giải các biến độc lập trong mô hình

Tên biến	Diễn giải	Kỳ vọng
GIOITINH	Biến giả: Giới tính của chủ hộ, nhận giá trị 1 khi chủ hộ là nam, nhận giá trị 0 nếu chủ hộ là nữ.	-
DANTOC	Biến giả: Nhận giá trị 1 nếu chủ hộ là người dân tộc thiểu số, nhận giá trị 0 nếu chủ hộ là người Kinh.	+
TRINHDO	Trình độ học vấn của chủ hộ, được tính bằng số năm đi học của chủ hộ tính đến thời điểm nghiên cứu.	+
PHUTHUOC	Số người phụ thuộc trong gia đình, biến này nhận giá trị là tổng số người phụ thuộc trong hộ nghèo tính đến thời điểm nghiên cứu.	-
KINHNGHIEM	Kinh nghiệm sản xuất kinh doanh, nhận giá trị là số năm hoạt động sản xuất kinh doanh nghề chính của hộ nghèo tính đến thời điểm nghiên cứu.	+
DOANTHE	Tham gia hội đoàn thể, biến này nhận giá trị 1 nếu hộ có tham gia hội đoàn thể tại địa phương và nhận giá trị 0 nếu không tham gia.	+
HOATDONG	Hoạt động tạo thu nhập, nhận giá trị tương ứng với số hoạt động tạo ra thu nhập cho hộ nghèo tại thời điểm nghiên cứu.	+

### 3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

#### 3.1. Đặc điểm về đối tượng nghiên cứu

Theo kết quả khảo sát được trình bày ở bảng 3, đa số đối tượng nghiên cứu là người dân tộc Kinh (68,89%), kế đến là người dân tộc Khmer (28,89%) và người dân tộc Hoa chiếm tỷ lệ rất thấp (2,22%). Trình độ học vấn của hộ nghèo tương đối thấp, phần đông hộ nghèo có trình độ ở mức tiểu học (51,67%) và trung học cơ sở (35,56%), thậm chí vẫn còn nhiều hộ nghèo không biết chữ (6,67%). Kết quả

khảo sát còn cho thấy, đa số hộ nghèo có số nhân khẩu từ 3 đến 6 người, trong đó số hộ có số nhân khẩu từ 2 đến 3 người chiếm 30%, từ 4 đến 6 người chiếm 63,89%. Hộ nghèo có nhân khẩu nhiều hơn 6 người chiếm tỷ lệ rất ít (6,11%). Theo đó, số người phụ thuộc trong hộ nghèo đa số là 1 đến 2 người (83,33%), hộ nghèo có trên 4 người phụ thuộc chiếm tỷ lệ thấp (3,33%). Đây là con số rất quan trọng, ảnh hưởng đến khả năng thoát nghèo của hộ nghèo.

**Bảng 3: Đặc điểm đối tượng nghiên cứu**

Tiêu chí	Chi tiết	Tần số	Tỷ lệ (%)
Dân tộc	Kinh	124	68,89
	Khmer	52	28,89
	Hoa	4	2,22
	<b>Tổng</b>	<b>180</b>	<b>100,00</b>
Trình độ học vấn	Mù chữ	12	6,67
	Tiểu học	93	51,67
	Trung học cơ sở	64	35,56
	Trung học phổ thông	10	5,56
	Cao đẳng	1	0,56
	<b>Tổng</b>	<b>180</b>	<b>100,00</b>
Số nhân khẩu	Dưới 4 người	54	30,00
	Từ 4 đến 6 người	115	63,89
	Trên 6 người	11	6,11
	<b>Tổng</b>	<b>180</b>	<b>100,00</b>
Số người phụ thuộc	Dưới 3 người	150	83,33
	Từ 3 đến 4 người	24	13,33
	Trên 4 người	6	3,33
	<b>Tổng</b>	<b>180</b>	<b>100,00</b>
Nghề chính	Trồng trọt	58	32,22
	Chăn nuôi	24	13,33
	Làm thuê	46	25,56
	Buôn bán	34	18,89
	Cán bộ, viên chức	4	2,2
	Nghề tự do	14	7,78
	<b>Tổng</b>	<b>180</b>	<b>100,00</b>
Tham gia hội đoàn thể	Hội Phụ nữ	128	71,11
	Hội Nông dân	27	15,00
	Hội đoàn thể khác	7	3,89
	<b>Tổng</b>	<b>180</b>	<b>100,00</b>

(Nguồn: Số liệu khảo sát của tác giả, năm 2013)

Hoạt động tạo thu nhập chính của hộ nghèo ở tỉnh Sóc Trăng khá đa dạng, trong đó phần lớn hộ nghèo tham gia

trồng trọt, làm thuê và buôn bán nhỏ (chiếm 76,7%), bên cạnh đó nhiều hộ nghèo cũng tham gia chăn nuôi để tạo

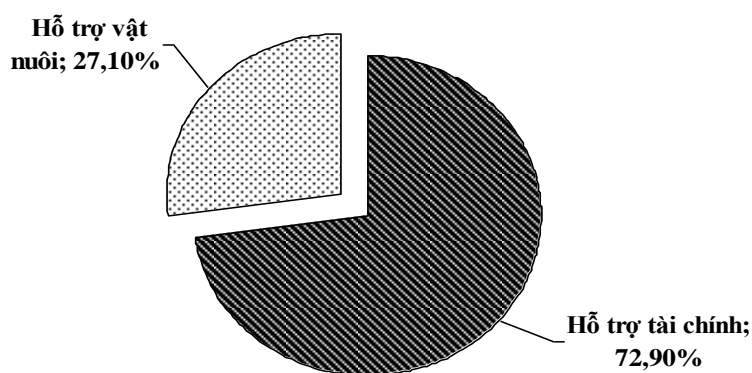
thu nhập cho gia đình (chiếm 13,33%). Về tham gia hội đoàn thể, hầu hết hộ nghèo đều tích cực tham gia các hội đoàn thể ở địa phương, trong đó tỷ lệ hộ nghèo tham gia Hội Phụ nữ là rất lớn (71,11%), kể đến là tham gia Hội Nông dân (15%), một số hộ nghèo khác tham gia Hội Cựu chiến binh, Hội Người cao tuổi... tuy nhiên số lượng này không đáng kể (3,89%).

### 3.2. Thực trạng tiếp cận DAPCP của hộ nghèo

Theo kết quả khảo sát, tỷ lệ hộ nghèo tiếp cận DAPCP khá cao, với tỷ lệ 59,4%, trong khi số hộ nghèo không tiếp cận được với bất kỳ DAPCP chiếm tỷ lệ 40,6%. Con số này đã cho thấy, số

DAPCP được triển khai trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng khá nhiều.

*Hình thức hỗ trợ:* Với mục tiêu nâng cao nguồn lực, cải thiện thu nhập và đời sống cho hộ nghèo nên các DAPCP thường có 2 hình thức hỗ trợ, đó là hỗ trợ bằng hiện vật (bò hoặc heo giống) và hỗ trợ tài chính. Đối với hộ nghèo, nguồn vốn là chìa khóa quan trọng để mở ra nhiều giải pháp sinh kế cho họ. Chính vì thế phần lớn hộ nghèo thích tiếp cận hỗ trợ tài chính (chiếm 72,9%) (hình 1). Tuy nhiên một số dự án quy định hình thức hỗ trợ vật nuôi (chiếm 27,1%) cho người tiếp nhận (hình 1). Hình thức này không phổ biến vì không phải hộ nghèo nào cũng có kiến thức và kinh nghiệm chăn nuôi.



**Hình 1:** Hình thức hỗ trợ của các DAPCP

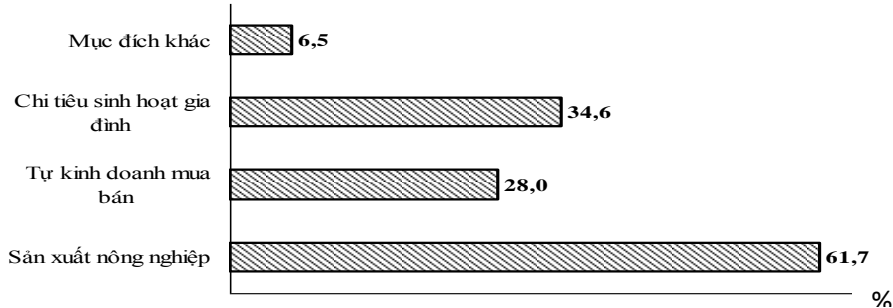
(Nguồn: Số liệu điều tra của tác giả, năm 2013)

*Mục đích sử dụng:* Hầu hết hộ nghèo sử dụng nguồn hỗ trợ từ các DAPCP đúng quy định của dự án. Phần lớn hộ nghèo sử dụng nguồn hỗ trợ để đầu tư, phát triển hoạt động sản xuất

nông nghiệp, trong đó tập trung nhiều vào hoạt động chăn nuôi. Kể đến, hộ nghèo đầu tư vào hoạt động mua bán nhỏ vì công việc này khá đơn giản, dễ dàng tham gia. Tuy nhiên do một số yếu

tổ khách quan trong quá trình sử dụng nguồn hỗ trợ, nhiều hộ nghèo đã sử dụng nguồn hỗ trợ để chi cho sinh hoạt gia đình (chiếm 34,6%). Còn lại một số

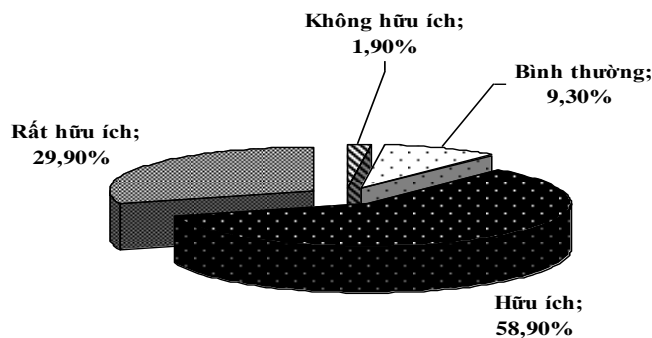
hộ nghèo sử dụng nguồn hỗ trợ để cho các mục đích khác (chiếm 6,5%) như sửa chữa nhà, đầu tư cho con đi học, chữa bệnh... (hình 2).



**Hình 2:** Mục đích sử dụng nguồn hỗ trợ của hộ nghèo  
(Nguồn: Số liệu điều tra của tác giả, năm 2013)

*Mức độ hữu ích của DAPCP:* Theo kết quả khảo sát (hình 3), tác động của các DAPCP đến sinh kế và thu nhập của hộ nghèo là rất lớn. Chính vì thế phần lớn hộ nghèo đánh giá các DAPCP rất hữu ích (chiếm 29,9%) và hữu ích (chiếm 58,9%). Tỷ lệ hộ nghèo đánh giá hiệu quả của dự án ở mức bình thường

(chiếm 9,3%) và không hữu ích (chiếm 1,9%) rất thấp. Nhóm hộ nghèo này cho rằng, một số dự án hỗ trợ vật nuôi có chất lượng không đồng đều, nếu vật nuôi tốt thì hiệu quả cao, còn đối với vật nuôi còn nhỏ hay chậm sinh sản thì hiệu quả thấp và mất nhiều thời gian đầu tư của họ.



**Hình 3:** Đánh giá mức độ hữu ích của DAPCP  
(Nguồn: Số liệu điều tra của tác giả, năm 2013)

### 3.3. Nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận DAPCP của hộ nghèo

Kết quả phân tích hồi quy logit cho thấy, mô hình được thiết lập phù hợp với các kiểm định được đảm bảo như

sau (bảng 4): (1) Kiểm định giả thuyết về độ phù hợp tổng quát có mức ý nghĩa quan sát Sig.= 0,00 nhỏ hơn rất nhiều so với mức ý nghĩa 5% và giá trị -2Log Likelihood = 99,20 là khá thấp thể hiện

mức độ phù hợp của mô hình là rất tốt [6]. Mức độ dự báo chính xác của mô hình là 75%. Bên cạnh đó, giá trị kiểm định tương quan giữa các biến độc lập

trong mô hình đều chứng minh không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến do các biến độc lập có giá trị tương quan thông qua kiểm định Cor đều nhỏ hơn 0,8 [7].

**Bảng 4:** Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận DAPCP của hộ nghèo

Biến số	Hệ số $\beta$	Giá trị P
Hằng số	-2,297	0,004
GIOITINH	-1,129	0,014
DANTOC	1,016	0,025
TRINHDO	0,067	0,261
PHUTHUOC	-0,149	0,264
KINHNGHIEM	-0,032	0,081
DOANTHE	1,579	0,001
HOATDONG	0,593	0,011
Giá trị Log Likelihood		-99,20
Giá trị Prob>chi <sup>2</sup>		0,00
Mức dự báo chính xác của mô hình (%)		75,00

(Nguồn: Số liệu điều tra của tác giả, 2013)

Trong tất cả các biến được đưa vào mô hình, có 5 biến có ý nghĩa thống kê. Điều này chứng tỏ khả năng tiếp cận DAPCP của hộ nghèo phụ thuộc vào các yếu tố: giới tính, dân tộc, kinh nghiệm, số hoạt động tạo thu nhập và tham gia hội đoàn thể. Sự tác động của từng biến được giải thích như sau:

Dân tộc (DANTOC) có ý nghĩa thống kê ở mức 5% và tương quan thuận với khả năng tiếp cận dự án. Thực tế khảo sát cho thấy, thời gian qua tỉnh Sóc Trăng luôn quan tâm chăm lo đến đời sống của cộng đồng dân tộc thiểu

số, đặc biệt là dân tộc Khmer. Nhiều chương trình hỗ trợ chính thức về giáo dục, tín dụng, nhà ở... đã được thực hiện, góp phần làm thay đổi diện mạo cuộc sống của cộng đồng dân tộc thiểu số. Ở chừng mực nào đó, yếu tố dân tộc là tiêu chí ưu tiên để xét chọn đối tượng được hỗ trợ trong một số DAPCP. Chính vì thế kết quả nghiên cứu phản ánh đúng với thực tế rằng, hộ dân tộc thiểu số được tiếp cận các dự án hỗ trợ nhiều hơn hộ là dân tộc Kinh.

Biến hội đoàn thể (DOANTHE) có ý nghĩa thống kê ở mức 1% và thể hiện sự

tác động tích cực đối với khả năng tiếp cận DAPCP của hộ nghèo. Thực tế cho thấy, các tổ chức hội đoàn thể như: Hội Phụ nữ, Hội Nông dân... đóng vai trò trung gian trong việc liên hệ và tiếp nhận sự hỗ trợ từ các tổ chức phi chính phủ. Thông qua hội đoàn thể, các tổ chức phi chính phủ có thể tiếp cận đến từng hộ nghèo dễ dàng và hỗ trợ đúng đối tượng. Ngoài ra, khi tham gia các tổ chức này, các thành viên có thể chia sẻ kinh nghiệm, học hỏi lẫn nhau, sự hòa nhập và tiếp cận thông tin dễ dàng hơn.

Biến hoạt động tạo thu nhập (HOATDONG) có ý nghĩa ở mức 5% và cũng tương quan thuận với khả năng tiếp cận DAPCP của hộ nghèo. Thực tế cho thấy, không phải hộ nghèo nào cũng nhận được nguồn hỗ trợ, điều này còn thể hiện ở khả năng lao động của hộ nghèo thông qua số hoạt động tạo ra thu nhập trong gia đình. Những hộ nghèo chăm chỉ lao động, biết sáng tạo, chủ động tạo nguồn thu nhập là yếu tố tích cực, tạo thiện chí cho các tổ chức phi chính phủ trong việc lựa chọn đối tượng hỗ trợ.

Trái với kỳ vọng, biến kinh nghiệm (KINHNGHIEM) có mối tương quan nghịch với khả năng tiếp cận DAPCP của hộ nghèo ở mức ý nghĩa 10%. Thực tế khảo sát cho thấy, những hộ có kinh nghiệm hoạt động lâu năm với nghề chính thường có thu nhập ổn định hơn, những hộ này thường ít quan tâm đến các DAPCP. Ngược lại, đối với những

hộ ít kinh nghiệm sản xuất kinh doanh lại rất cần sự hỗ trợ từ các DAPCP để tăng nguồn lực sản xuất kinh doanh. Hơn thế nữa, những đối tượng hạn chế về nguồn lực sản xuất là nhóm được ưu tiên trong các DAPCP, chính vì thế nhóm hộ có ít kinh nghiệm sản xuất kinh doanh thường được ưu tiên tiếp cận DAPCP.

Biến giới tính (GIOITINH) có ý nghĩa ở mức 5% và có sự tương quan nghịch với khả năng tiếp cận dự án. Điều này cho thấy, nếu chủ hộ nghèo là nữ giới thì khả năng tiếp cận các DAPCP sẽ tốt hơn chủ hộ là nam giới. Thực tế cho thấy, phần lớn DAPCP ưu tiên hỗ trợ cho nữ giới để thay đổi sinh kế, đa dạng hóa thu nhập, cải thiện vị thế trong gia đình. Bên cạnh đó, tại địa bàn nghiên cứu, Hội Phụ nữ hoạt động rất tích cực. Đây cũng là nhân tố ảnh hưởng tích cực đến khả năng tiếp cận DAPCP của chủ hộ là nữ giới.

#### 4. Kết luận

Nhìn chung, các DAPCP được triển khai trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng thường hỗ trợ hộ nghèo theo hai hình thức là hỗ trợ tài chính và hiện vật. Phần lớn hộ nghèo sử dụng nguồn hỗ trợ đúng quy định của dự án và họ đánh giá cao hiệu quả của các DAPCP. Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận DAPCP của hộ nghèo ở tỉnh Sóc Trăng là giới tính, dân tộc, kinh nghiệm, tham gia hội đoàn thể và hoạt động tạo thu nhập. Trong đó, nhân tố tham gia hội đoàn thể



có tác động mạnh nhất đến khả năng tiếp cận DAPCP của hộ nghèo. Với kết quả này, hội đoàn thể đã khẳng định vai trò trung gian kết nối rất quan trọng trong việc triển khai các dự án hỗ trợ của các tổ chức phi chính phủ.

Một số hàm ý từ kết quả nghiên cứu nhằm nâng cao khả năng tiếp cận các DAPCP của hộ nghèo được đề xuất như sau: (1) Chính quyền địa phương phát huy vai trò hỗ trợ của hội đoàn thể (đặc biệt là Hội Phụ nữ) trong việc liên kết và chuyển giao các hoạt động của các DAPCP đến người nghèo. Tạo điều kiện hoạt động tốt và có các ưu đãi hỗ trợ về vật chất và tinh thần, phương tiện công tác là xúc tác lớn để cán bộ Đoàn,

hội tích cực hơn trong việc tiếp nhận, triển khai các DAPCP đến hộ nghèo; (2) Thay đổi tư duy sản xuất và tinh thần học hỏi tích cực cho người nghèo thông qua hoạt động tuyên truyền, các câu lạc bộ sinh hoạt tại địa phương để người nghèo được phổ biến, được tiếp cận với những nguồn thông tin mới. Người nghèo có thể thay đổi tư duy sản xuất và đa dạng hóa sinh kế thì dễ dàng đạt các tiêu chí hỗ trợ của các tổ chức cung cấp DAPCP; (3) Công tác triển khai thông tin về DAPCP cần được minh bạch, rõ ràng và cụ thể để người nghèo có thể nắm bắt thông tin kịp thời và tiếp cận dễ dàng hơn.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. UBND tỉnh Sóc Trăng (2016), “Báo cáo tình hình, kết quả hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng nhiệm kỳ 2011 – 2016”, Số 30/BC-UBND, ngày 04/03/2016
2. Robert Lensink, Nguyễn Văn Ngân và Lê Khương Ninh (2008), “Determinants of farming households’ access to formal credit in the Mekong delta, Vietnam”, Final Report for NPT
3. Nguyễn Quốc Nghi (2011), “Khả năng tiếp cận nguồn tín dụng chính thức của hộ nghèo”, *Tạp chí Ngân hàng*, số 7, 46-49
4. Bùi Văn Trinh, Nguyễn Thị Thùy Phương (2014), “Nâng cao khả năng tiếp cận vốn từ các tổ chức tín dụng chính thức: Trường hợp hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng”, (<http://www.tapchiconsan.org.vn/Home/PrintStory.aspx?distribution=30371&print=true>)
5. Phan Thị Nữ (2012), “Đánh giá tác động của tín dụng đối với giảm nghèo ở nông thôn Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học Đại học Huế*, tập 72B, số 3, 215-224
6. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), *Phân tích số liệu thực hành với SPSS*, tập 2, Nhà xuất bản Hồng Đức

7. Mai Văn Nam (2008), *Giá trị Kinh tế lượng*, Nhà xuất bản Thống Kê, Hà Nội

8. Pham Bao Duong and Izumida (2002), *Rural development finance in Vietnam: A microeconometric analysis of household surveys*, World Development, 30(2): 319-335

**FACTORS AFFECTING THE ABILITY TO ACCESS TO PROJECTS OF  
NON-GOVERMENTAL ORGANIZATIONSOR (NGOs) POOR  
HOUSEHOLDS IN SOC TRANG PROVINCE**

***ABSTRACT***

*This study aims to identify factors that affect the ability to access to projects of non-governmental organizations (NGOs) for poor households in Soc Trang province. Research data were collected from 180 poor households in Soc Trang province. Binary Logit Regression was used in this study. The research results showed that factors affecting the ability to access to NGOs projects for poor households are gender, ethnicity, experience, associations and income-generating activities. In particular, associations have the strongest impact on the ability to access to NGO projects for poor households in Soc Trang province.*

**Keywords:** *Ability, projects, poor household, Soc Trang*

(Received: 02/06/2016, Revised: 12/10/2016, Accepted for publication: 24/07/2017)